CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2026/NQ-ĐTL	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Tây Land;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2026/BBH-ĐTL.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Văn Hiệp - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc là Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Đông Tây Land, kể từ ngày 16/11/2026. Ông Trần Văn Hiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đông Tây Land.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND
ĐÔNG TÂY LAND CORPORATION
MSDN: 0312312011

NGUYỄN THÁI BÌNH

Nơi nhận:
- *HĐQT;*
- *Ban TGĐ, Ban KS;*
- *Lưu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND

Digitally signed byCÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0312312011, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason:I am the author of this document
Date:16/11/2026 4:08 PM
PDFgear Version:2.1.15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND

DONG TAY LAND

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11/2026

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 2

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 2

Điều 2. Các chữ viết tắt 2

Điều 3. Giải thích từ ngữ 2

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin 3

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin 3

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN 5

Điều 6. Lưu đồ thực hiện 5

Điều 7. Các nội dung công bố thông tin 6

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 7

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện CBTT và các phòng ban liên quan 7

Điều 9. Xử lý vi phạm về công bố thông tin 7

Điều 10. Triển khai thực hiện 7

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN 8

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC 16

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU 18

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người thực hiện công bố thông tin.
b) Các đơn vị/phòng/ban có liên quan.
c) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.
d) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
e) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin.

Điều 2. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đông Tây Land
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK : Sở giao dịch Chứng khoán
- VSDC : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của Công ty* là:

– Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

– Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

– Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

2. *Người thực hiện công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm

về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

3. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
6. Các thông tin đã công bố phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng, tối thiểu 05 năm đối với các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác.
7. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - RDP.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Hệ thống ECM. Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Báo in, Báo điện tử,v.v...

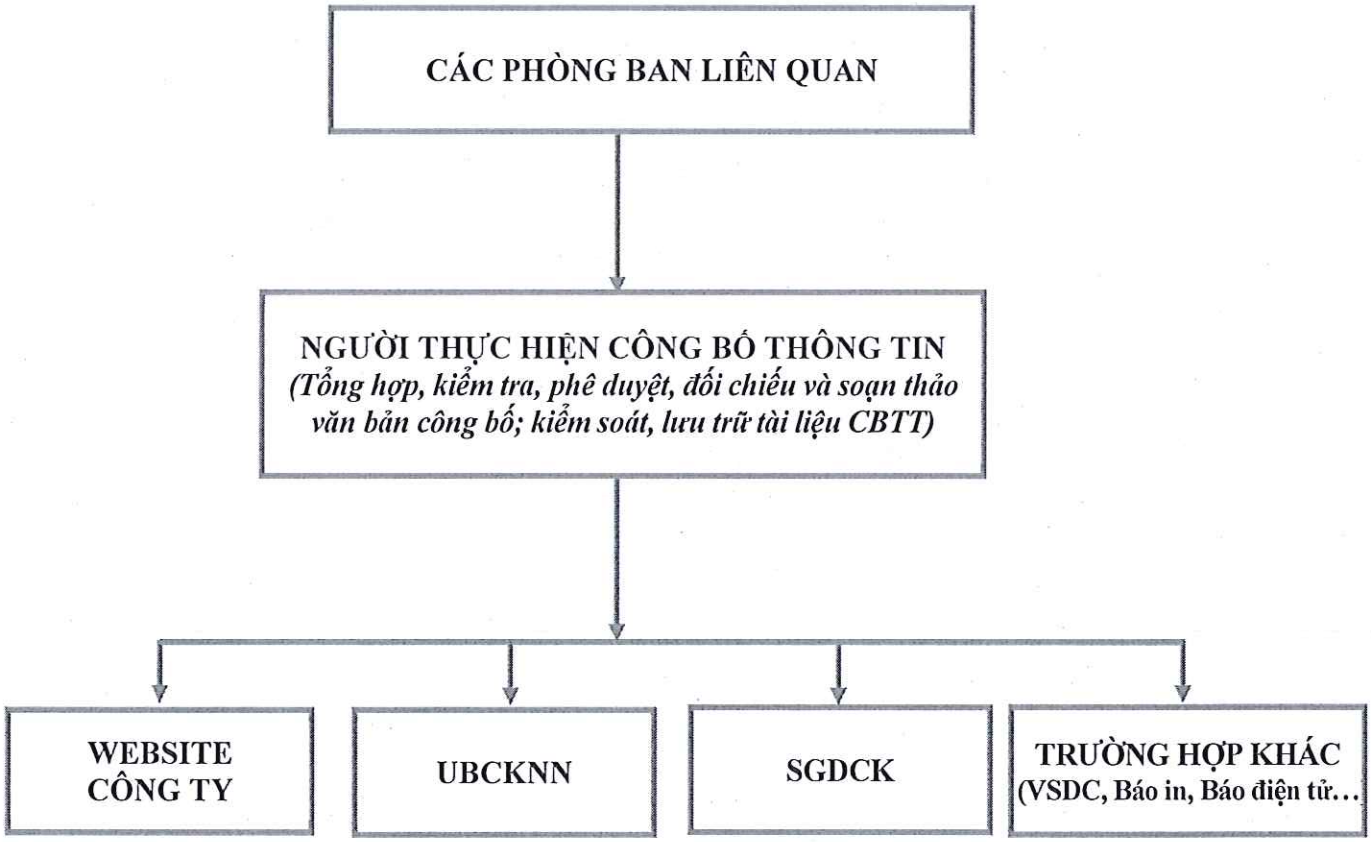
(*) Lưu ý:

- *Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ .*
- *Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.*
- *Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.*

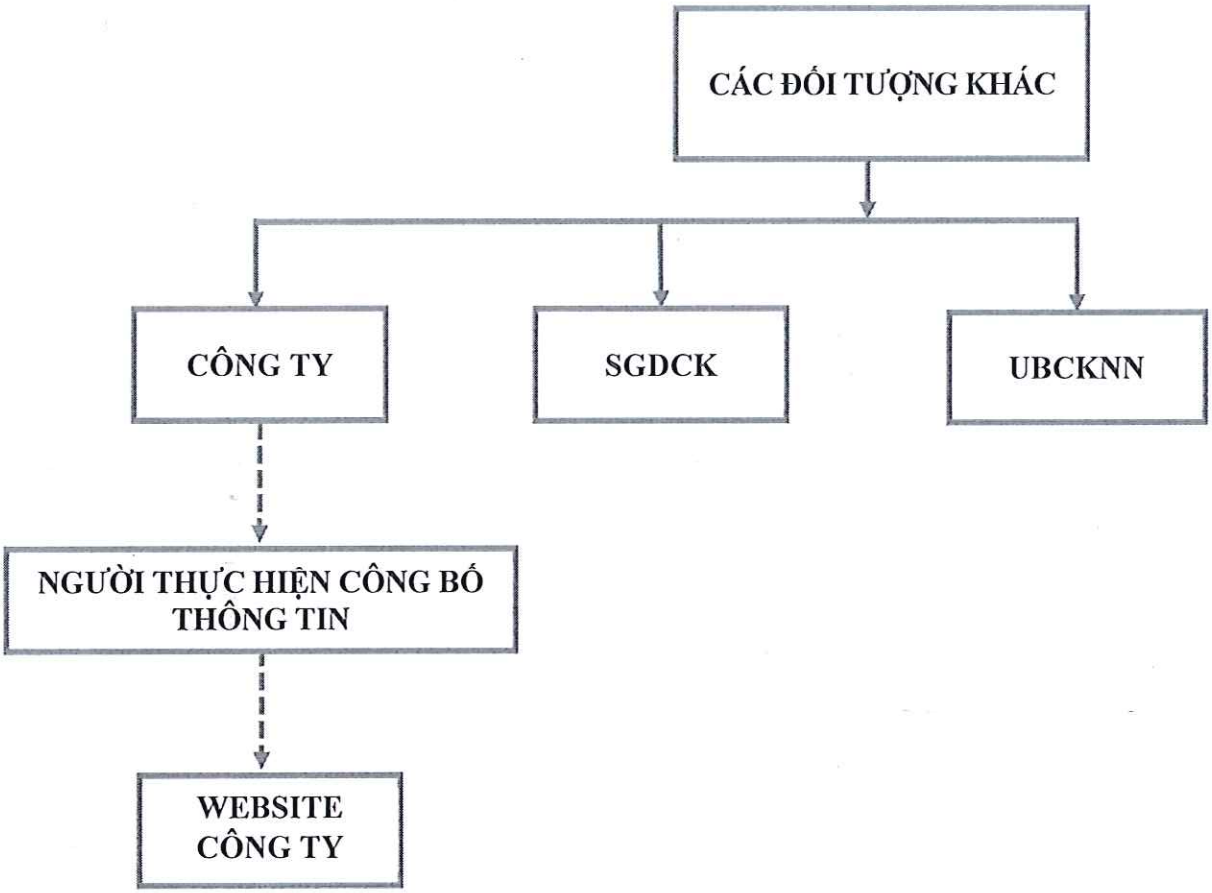
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. **Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)**



Ghi chú: ⟶ : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và SGDCK

⇢ : Người thực hiện công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) *Đối tượng khác là đối tượng quy định tại Điểm c, d, e Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.*

Điều 7. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này.
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người thực hiện công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người thực hiện công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người thực hiện công bố thông tin.
3. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 9. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Điều 10. Triển khai thực hiện

1. Quy chế này bao gồm 03 Chương, 10 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐQT thông qua.

2. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TÂY LAND
DONG TAY LAND CORPORATION
MSDN: 0312312011

Nguyễn Thái Bình

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ			
I. Báo cáo tài chính			
1	Báo cáo tài chính quý (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Tối đa không quá **30 ngày** kể từ ngày kết thúc quý	P. Kế toán
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn **05 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá **45 ngày** kể từ ngày kết thúc quý	P. Kế toán
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Trong thời hạn **05 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá **60 ngày** kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	P. Kế toán
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá **90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P. Kế toán
5	***Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:*** - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	Công bố thông tin ***đồng thời*** với Báo cáo tài chính cần giải trình	P. Kế toán
II. Báo cáo thường niên			

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
6	Báo cáo thường niên	Chậm nhất **20 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá **110 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P. Đầu tư
III. Báo cáo tình hình quản trị công ty			
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	P. Đầu tư
8	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	P. Đầu tư
IV. Đại hội đồng cổ đông			
9	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	P. Đầu tư
10	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	P. Đầu tư
11	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	P. Đầu tư
V. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
12	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu **10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	P. Đầu tư
13	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	P. Đầu tư
14	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	P. Đầu tư
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG			
15	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
	khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa		
16	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	P. Pháp lý
17	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P. Pháp lý
18	Công bố thông tin về thay đổi nội dung, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo ***Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN***	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
19	Bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ	Pháp lý
20	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
21	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
22	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
23	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
24	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P. Pháp lý
25	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
26	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
27	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	P. Pháp lý
28	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Văn phòng HĐQT
29	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán
30	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng)	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán
31	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán
32	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán
33	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán
34	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
35	Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
	thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu ***Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN***		
36	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
37	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
38	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
39	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
40	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
41	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Trong thời hạn 24 giờ	P. Nhân sự
42	- Công ty nhận được đơn xin từ chức/từ nhiệm của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
	Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).		
43	- Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo ***Phụ lục III - TT96***	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
44	- Công ty công bố thông tin Thay đổi nhân sự theo ***Phụ lục I - Quyết định số 31/QĐ-SGDVN*** và gửi kèm SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo ***Phụ lục III -TT96***	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
45	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo ***Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN***	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
46	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
47	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P. Pháp lý
48	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P. Pháp lý
49	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ	P. Kế toán
50	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	P. Pháp lý

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
51	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
52	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Bộ phận liên quan
53	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
54	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
55	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
56	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	P. Đầu tư
57	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	P. Kế toán
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU			
58	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		P. Đầu tư
59	*1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư*	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	P. Đầu tư
60	*2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó*	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	P. Đầu tư
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC			
61	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết,	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết,	P. Đầu tư

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
	đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	đăng ký giao dịch chứng khoán	
62	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN	P. Đầu tư
63	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	P. Đầu tư
64	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	P. Đầu tư

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

– Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII –TT96** kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

– Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo **Phụ lục VIII –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc,** kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty *mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.*

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. ***Ngày T****, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X* ***từ 5,2% lên 5,7%.*** *Tiếp sau đó, vào* ***ngày T'****, ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X* ***từ 5,7% lên 6,1%.*** *Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

– Công ty công bố trên website của công ty **trong vòng 03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

– Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là **03 ngày làm việc**, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Phụ lục XIII –TT96** kèm theo Quy chế này.

– Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK *(Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại*

điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai).

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

– Sau khi thực hiện giao dịch: **Trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Phụ lục XIV –TT96** kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

– NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

– Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

– Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty **trong vòng 24 giờ**, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

– Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên…), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

– Công ty công bố trên website của công ty **trong vòng 03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB .

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Nội dung	Biểu mẫu
1.	Báo cáo thường niên *(Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc IV - TT96 - BCTN
2.	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm *(Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc V - TT96 - BCQT
3.	Thay đổi người nội bộ *(Phụ lục I - Quyết định số 31/QĐ-SGDVN ngày 31/3/2026)*	Phu luc I_Quy che CBTT VNX_QD 31_HD
4.	Bản cung cấp thông tin người nội bộ *(Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc III - TT96 - BCCTT
5.	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ *(Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc II - Thay doi NCLQ cua NNB
6.	Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *(Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc III - Thay doi Giay CNDKDN
7.	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính *(Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc IV - TB dang ky, thay doi m
8.	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành *(Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc V - TB thay doi SLCP dang luu h
9.	Công bố thông tin bất thường *(Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)*	Phu luc VI - CBTT bat thuong.docx
10.	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn *(Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc VII - CDL

11.	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết *(Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc VIII - CDL giao dich vuot nguc
12.	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ *(Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phu luc XIII - Thong bao GD NNB
13.	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ *(Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*	Phụ lục XV - Bao cao GD NNB
14.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu *(Mẫu 01/THQ - Quyết định 38/QĐ-HĐTV ban hành ngày 29/05/2025)*	Mau 01-THQ.doc
15.	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán *(Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*	Bao cao tien do su dung von